TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2018
V/v tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Bà Quách Thị Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST – HNGĐ ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu Dân Cư PS, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn B**, sinh năm 1973, Địa chỉ: Khu Dân Cư PS, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Lê Thị D, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu Dân Cư PS, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, vắng mặt người làm chứng*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/3/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh B thường xuyên chời bời, cờ bạc không quan tâm đến chị và các con, chị và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh B không nghe, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã và không còn tiếng nói chung. Tháng 9/2013, chị đi Đài Loan làm ăn, sau khi chị đi được khoảng 3 tháng, anh B ở nhà càng chơi bời nhiều hơn, thường bỏ nhà đi chơi qua đêm, không quan tâm, chăm sóc các con nên chị đã phải nhờ bố mẹ đẻ của chị đến đón các cháu về nuôi. Kể từ 9/2012 đến nay chị và anh B sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến tháng 5/2018, khi chị L về nước, chị và các con sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị chứ không về chung sống cùng anh B. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Việt L1, sinh ngày 25/5/2003 và Hoàng Việt A, sinh ngày 22/2/2009. Sau khi chị đi lao động tại đài Loan được 3 tháng, do anh B chơi bời bỏ mặc các con nên chị phải nhờ bố, mẹ đẻ của chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 5/2018, chị về nước cả hai con chung do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 30/7/2018 anh Hoàng Văn B trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Phùng Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến không còn tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng, khoảng tháng 3/2012 chị L đi lao động tại Đài Loan, đến tháng 6/2018 anh được biết chị L về Việt Nam và sinh sống tại gia đình bố, mẹ đẻ chị L. Về quan hệ hôn nhân, anh xác định giữa anh và chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Tuy nhiên, việc chị L xin ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ với nhau.

- Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hoàng Việt L1, sinh ngày 25/5/2003 và cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 22/2/2009. Hiện hai cháu đang ở cùng chị L. Việc nuôi dưỡng con chung, anh tôn trọng nguyên vọng của các cháu, các cháu muốn ở với ai, anh cũng nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con

chung, anh chưa chấp nhận ly hôn nên chưa có ý kiến về việc này.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau lần làm việc ngày 30/7/2018, Tòa án tống đạt hợp L Giấy triệu thập, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh B, tuy nhiên anh B đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung, cụ thể như sau:

Lời khai của người làm chứng bà Lê Thị D (mẹ đẻ chị L) khai:

Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh B xảy ra từ nhiều năm nay, nguyên nhân là do anh B chơi bời, không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau và từ năm 2012, mỗi người một nơi và đều có cuộc sống riêng từ đó cho đến nay. Về con chung: Chị L, anh B có hai con chung là Hoàng Việt L1, sinh ngày 25/5/2003 và Hoàng Việt A, sinh ngày 22/2/2009. Năm 2013, chị L đi Lao động Đài Loan, cháu L1, cháu A được vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại chị L và các cháu L1, cháu A đang sinh sống tại gia đình bà, trường hợp chị L được nuôi dưỡng cả hai con chung, gia đình bà sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị L ở ổn định và lâu dài tại gia đình bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phùng Thị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh B, yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được với nhau. Về nuôi dưỡng con chung: anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn, không đồng ý yêu cầu của chị L xin được nuôi dưỡng cả hai con chung với lý do tài sản chung vợ chồng chưa giải quyết được với nhau. Anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng, thì anh sẽ đồng ý ly hôn và giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được triệu tập đến Tòa, đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đối với quan hệ tình cảm vợ chồng: Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh B đã đến mức trầm trọng. Cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh B. Về con chung, giao con chung cháu L1 và

cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Hoàng Văn B hiện đang cư trú, sinh sống tại Khu dân cư PS, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phùng Thị L và anh Hoàng Văn B đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/3/2002 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và kết quả xác minh tại các ban ngành đoàn thể địa phương nơi cư trú, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh B, chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, lối sống của mỗi bên không còn phù hợp. Chị L, anh B đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng từ năm 2012 (thời điểm chị L đi lao động tại Đài Loan), vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai từ đó cho đến nay. Điều này thể hiện việc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, anh B xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ, song khi được Tòa án tiến hành hòa giải (ngày 30/7/2018) anh B không ký; ngoài lần làm việc này các lần Tòa án triệu tập và hòa giải anh B đều vắng mặt không lý do là thể hiện tâm lý bỏ mặc không mong muốn được đoàn tụ cùng với chị L. Tại phiên tòa anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn và không thể đoàn tụ được với nhau. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng vợ chồng chị L, anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B, mới phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị L, anh B có 02 con chung cháu Hoàng Việt L1, sinh ngày 25/5/2003 và cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 22/2/2009. Chị L yêu cầu xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Tại phiên Tòa, anh B không đồng ý với yêu cầu chị L xin nuôi dưỡng các con chung. Xét yêu cầu của chị L xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thì thấy: Hiện tại cả hai con chung cháu L1, cháu A đang ở cùng chị L, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của chị L đối với các con chung được đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án, các con chung của chị L, anh B đều xác định hiện các cháu đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập đối với các cháu rất ổn định, các con chung đều có nguyện vọng xin được ở cùng với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, anh B đều xác định các con chung có nguyện vọng ở với ai thì anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của các cháu, việc anh không đồng ý cho chị L nuôi dưỡng con chung chỉ vì vợ chồng chưa giải quyết với nhau về phần tài sản. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm lý, học tập của con chung, cần tiếp tục giao con chung cháu Hoàng Việt L1 và Hoàng Việt A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

[5] *Về tài sản, vay nợ chung:* Nguyên đơn chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Tại phiên tòa bị đơn anh B đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan. Do vậy, về yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của anh B, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong một vụ án khác.

[6] *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao cho chị Phùng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung Hoàng Việt L1, sinh ngày 25/5/2003 và Hoàng Việt A, sinh ngày 22/2/2009 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0001754 ngày 20/7/2018. Chị L đã chấp hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân huyện Kinh Môn;*
- *Chi cục thi hành án DS huyện Kinh Môn;*
- *UBND xã HS, huyện Kinh Môn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh